

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Quỳnh A, sinh năm 1994, cư trú tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991, cư trú tại: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Mai Thị Quỳnh A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Q tại thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm trách nhiệm đến nhau nên thường xảy ra va chạm cãi vã. Mặc dù đã được gia đình hai bên giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị và anh Q đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Văn Q không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q để giải phóng hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chị và anh Q tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q: Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q để anh Q đến Toà án nhân dân huyện A giải quyết việc chị Mai Thị Quỳnh A xin ly hôn nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không trình bày quan điểm, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Quỳnh A. Xử cho chị Mai Thị Quỳnh A được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị Quỳnh A nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Mai Thị Quỳnh A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Q vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Mai Thị Quỳnh A và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Trong quá trình chung sống của vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, tình cảm rạn nứt, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Mai Thị Quỳnh A và anh Nguyễn Văn Q đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Mai Thị Quỳnh A xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Mai Thị Quỳnh A và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015. Chị Quỳnh A có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chị và anh Q tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn Q không có lời khai, vắng mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm của anh Q về con chung. Xét thấy, con chung còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao con chung cho chị Mai Thị Quỳnh A nuôi dưỡng là hợp lý và có căn cứ chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị Quỳnh A không có yêu cầu và do anh Q không có quan điểm nên Tòa án không xem xét giải quyết. Khi nào anh Q có yêu cầu về việc nuôi con hoặc chị Quỳnh A có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Mai Thị Quỳnh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn Q không có lời khai, vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, không có quan điểm của anh Q về tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị Mai Thị Quỳnh A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo của các đương sự:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Mai Thị Quỳnh A được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Xử: Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2015 cho chị Mai Thị Quỳnh A nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Quỳnh A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước, chị Quỳnh A đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0015163 ngày 05 tháng 6 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Đương sự;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tỉnh

